

Bản án số: 18/2017/DS-ST  
Ngày 03 tháng 8 năm 2017

-----  
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

\* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh Dương

\* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

\* **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Yên.

\* **Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-DS, ngày 17/01/2017 về tranh chấp : “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2017/QĐST-DS ngày 19/7/2017 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S - sinh năm 1958 (Có mặt)

Trú tại: Khu T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

\* Bị đơn: Anh Phạm Văn P - sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngô Văn T - sinh năm 1954 (Có mặt)

Trú tại: Khu T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Dương Thị Đ - sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã Ngọc C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2016 của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Qua quan hệ quen biết nên ngày 03/01/2016 âm lịch (tức ngày 10/2/2016 dương lịch), chị có cho anh Phạm Văn P vay số tiền mặt là 25.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Anh P hẹn đến ngày 30/6/2016 âm lịch (tức ngày 02/8/2016 dương lịch) thì trả cả gốc và lãi. Khi vay tiền thì anh P có trực tiếp viết giấy vay nợ tiền ghi ngày 03/01/2016. Đến 30/7/2016 âm lịch thì chị đến nhà anh P đòi nợ nhiều lần nhưng anh P không trả đồng nào. Chị xác định khoản tiền cho vay này là tài sản chung của vợ chồng chị.

Nay chị yêu cầu buộc anh Phạm Văn P trả vợ chồng chị số nợ gốc là 25.000.000 đồng và đề nghị tính lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/ tháng, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tính tròn thời gian trả lãi là 01năm 5 tháng 27 ngày.

Chị S xác định vợ anh P là chị Dương Thị Đ không tham gia việc vay tiền này. Giữa chị và anh P không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án.

\* Bị đơn là anh Phạm Văn P đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 19/01/2017 gửi bảo đảm Thông báo về việc thụ lý vụ án số:07/TB-TLVA, ngày 17/01/2017 cho anh Phạm Văn P. Ngày 08/5/2017 tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 05/QĐ-CCTLCC, ngày 08/5/2017 đối với anh Phạm Văn P về Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập. Ngày 01/6/2017 tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 07/TB-TA ngày 01/6/2017 đối với anh Phạm Văn P. Ngày 16/6/2017 tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 07/TB-TA ngày 16/6/2017 đối với anh Phạm Văn P. Ngày 04/7/2017 Tòa án đã tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/QĐXXST-DS, ngày 04/7/2017 và giấy triệu tập phiên tòa của anh Phạm Văn P. Anh Phạm Văn P đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Văn P không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Phạm Văn P là bị đơn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 19/01/2017 gửi bảo đảm Thông báo về việc thụ lý vụ án số:07/TB-TLVA, ngày 17/01/2017 cho chị Dương Thị Đ. Ngày 11/5/2017 tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 03/QĐ-CCTLCC, ngày 11/5/2017 đối với chị Dương Thị Đ về Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập. Ngày 01/6/2017 tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 07/TB-TA ngày 01/6/2017 đối với chị Dương Thị Đ. Ngày 16/6/2017 tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số

07/TB-TA ngày 16/6/2017 đối với chị Dương Thị Đ. Ngày 04/7/2017 Tòa án đã tiến hành niêm yết và lập biên bản niêm yết đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/QĐXXST-DS, ngày 04/7/2017 và giấy triệu tập phiên tòa của chị Dương Thị Đ. Chị Dương Thị Đ đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Dương Thị Đ không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà chị Dương Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại biên bản làm việc ngày 26/4/2017 Tòa án đã tiến hành lập biên công bố Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ cho anh Phạm Văn P với nội dung: Yêu cầu anh P cung cấp bản tự khai hoặc Tòa án lấy lời khai và cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc chị S khởi kiện đòi nợ anh P, anh P từ chối ký nhận các văn tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2017 Tòa án đã tiến hành lập biên bản công bố nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị S cho chị Dương Thị Đ và chị Đ có ý kiến: Chị Đ không biết và không liên quan đến việc anh P vay 25.000.000đồng mà chị S khởi kiện, chị Đ nhận các văn tố tụng của Tòa án nhưng từ chối ký nhận. Chị Đ nhận các văn bản của Tòa án và đã giao lại cho anh Phạm Văn P.

Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2017 của Tòa án tại Công an xã N, huyện T và thôn L, xã N thì được biết: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1962 và chị Dương Thị Đ, sinh năm 1961 là vợ chồng. Anh Phạm Văn P và chị Dương Thị Đ sinh sống, cư trú từ năm 1988 đến nay tại thôn L, xã N, huyện T.

\* Tại bản tự khai ngày 09/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn T trình bày:

Ngày 03/01/2016 âm lịch, vợ anh là chị Nguyễn Thị S có cho anh Phạm Văn P vay số tiền là 25.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Anh P hẹn đến ngày 30/6/2016 âm lịch thì trả cả gốc và lãi. Anh xác định khoản tiền cho vay này là tài sản chung của vợ chồng anh.

Nay anh đồng ý với ý kiến của chị S về việc buộc anh Phạm Văn P trả cho vợ chồng anh số nợ gốc là 25.000.000 đồng và đề nghị tính lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/ tháng, kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tính tròn thời gian trả lãi là 01 năm 5 tháng 27 ngày.

Anh T xác định vợ anh P là chị Dương Thị Đ không tham gia việc vay tiền này. Đề nghị không đưa chị Dương Thị Đ tham gia tố tụng.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Phạm Văn P, chị Dương Thị Đ không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 BLDS; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1- Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ trả vợ chồng chị Nguyễn Thị S, anh Ngô Văn T tổng số tiền là: 28.356.250đồng (Trong đó: 25.000.000đồng tiền nợ gốc và 3.356.250đồng tiền nợ lãi).

2- Về án phí: Buộc anh Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị S không phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:*

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Phạm Văn P, chị Dương Thị Đ nhưng anh P, chị Đ vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án này thì các đương sự đã được tổng đạt và niêm yết hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị S với anh Phạm Văn P và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh P, chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh P, chị Đ phải chịu hậu quả pháp lý.

Về quan hệ pháp luật: Nay chị Nguyễn Thị S kiện đòi anh Phạm Văn P có trách nhiệm trả khoản tiền vay gốc 25.000.000 đồng và lãi suất tại giấy vay nợ ghi ngày 03/01/2016 âm lịch (tức ngày 10/2/2016 dương lịch) cho vợ chồng chị S, anh T là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Về thời hiệu khởi kiện: Anh Phạm Văn P ký nhận giấy vay nợ tiền của chị Nguyễn Thị S tại giấy vay nợ ghi ngày 03/01/2016 âm lịch (tức ngày 10/2/2016 dương lịch). Thời hạn thanh toán vào ngày 30/6/2016 âm lịch (tức ngày 02/8/2016 dương lịch). Sau ngày 30/6/2016 âm lịch anh P không trả tiền cho vợ chồng chị S, anh T. Vợ chồng chị S, anh T đòi nợ nhiều lần nhưng không được. Ngày 09/01/2017, chị S nộp đơn khởi kiện. Như vậy việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị S là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay nợ ghi ngày 03/01/2016 âm lịch (tức ngày 10/2/2016 dương lịch) có chữ viết, chữ ký của người vay là anh Phạm Văn P ký nhận vay tiền của chị Nguyễn Thị S. Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền đã xác lập giữa các bên và quá trình làm việc giữa chị Nguyễn Thị S kiện đòi nợ anh Phạm Văn P thì thấy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và lãi suất thỏa thuận miệng.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Phạm Văn P viết và ký nhận nợ số tiền 25.000.000đồng gốc, vay nợ từ ngày 03/01/2016 âm lịch hẹn đến ngày 30/6/2016 âm lịch thì trả. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Căn cứ vào chứng cứ là

giấy vay nợ tiền trên phù hợp lời khai của chị S là người cho vay, lời khai của anh T xác định số tiền cho vay là tài sản chung vợ chồng. Anh P, chị Đ đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh liên quan đến việc thanh toán nợ này nên có cơ sở xác định anh P thực tế có nợ tiền chung của vợ chồng chị S, anh T là 25.000.000đồng chưa trả. Nên có cơ sở chấp nhận lời khai của chị S, anh T về số tiền anh P nợ gốc là 25.000.000đồng.

Chị S, anh T trình bày chị Dương Thị Đ là vợ anh P không liên quan đến việc vay nợ, phù hợp lời khai của chị Đ không biết và không liên quan đến việc anh P vay 25.000.000đồng của vợ chồng chị S nên không buộc chị Đ có nghĩa vụ trả nợ cùng anh P là đúng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S và lời khai của anh T và buộc anh P trả cho vợ chồng chị S, anh T số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng là có cơ sở.

Các bên thỏa thuận lãi tại thời điểm đó là 1,5%/tháng lại vượt quá 150% lãi suất cơ bản mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 và có tranh chấp nên cần tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng theo khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 đối với số tiền gốc còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 03/8/2017 và phù hợp mục 3 phần III của giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của TANDTC, cụ thể:

$25.000.000\text{đồng gốc} \times 0,75\%/tháng \times 01\text{ năm } 5\text{ tháng } 27\text{ ngày}$  (từ ngày 03/01/2016 âm lịch (tức ngày 10/2/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 01 năm 5 tháng 27 ngày) = 3.356.250 đồng tiền lãi.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Phạm Văn P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

\* Căn cứ vào: Điều 194; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1- Buộc anh Phạm Văn P có nghĩa vụ trả vợ chồng chị Nguyễn Thị S, anh Ngô Văn T tổng số tiền là: 28.356.250đồng (Trong đó: 25.000.000đồng tiền nợ gốc và 3.356.250đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2- Về án phí: Buộc anh Phạm Văn P phải chịu 1.417.812 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị S 728.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0003501 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**